

Đối Thoại về Ôn Cứu Độ để Loan Báo Tin Mừng tại Á Châu

Dialogue on Salvation to Proclaim the Gospel in Asia

Giuse Đinh Ngọc Thiện, TSMTC

¹ Học Viện Liên Dòng Phaolo Nguyễn Văn Bình, Vietnam.

*Email của tác giả liên hệ: baochiase@gmail.com

 <https://doi.org/10.54855/csl.23341>

Copyright (c) 2023 Đinh Ngọc Thiện

Received: 18/12/2023

Revision: 22/12/2023

Accepted: 23/12/2023

Online: 26/12/2023

Tóm lược

Khi tìm hiểu về sứ vụ truyền giáo tại Á châu, chúng ta có thể nhận thấy rõ ràng sứ vụ của Giáo hội là truyền giáo. Sứ vụ này cần đi vào trong những miền đất, những địa phương với những con người cụ thể. Chính khi Giáo hội thực thi sứ vụ cách cụ thể như vậy, Giáo hội thường gặp phải không ít những khó khăn từ chính những nơi đó. Những khó khăn hiện nay mà Giáo hội nơi lục địa này đang gặp phải, với những vấn đề về đa nguyên, đa tôn giáo, đa sắc tộc, đa văn hoá. Chúng thực sự là những rào cản trong việc đem Tin Mừng cứu độ đến cho lục địa này. Tuy nhiên, những khó khăn đó không thể làm cho bước chân truyền giáo của Giáo hội bị dừng bước hay bị huỷ bỏ ở nơi đây. Ngược lại, Giáo hội đã tìm ra những phương thế thích hợp cho công việc này, Giáo hội đã thích ứng với các nền văn hoá, đi sâu vào lòng các dân tộc bằng cách hội nhập văn hoá và đối thoại với các tôn giáo khác trong sự cởi mở¹. Giáo hội đã có những bước tích cực để hoà nhập và đi tìm những cách thức để có thể gặp gỡ với các nền văn hoá đó, vì Giáo hội không mang tính thụ động, nhưng mang tính chất đối thoại và mang tính nhập thể trong lòng dân tộc để trở thành Giáo hội địa phương². Chính Giáo hội này không ngừng đối thoại trong khiêm tốn và yêu thương những truyền thống, những nền văn hoá và các tôn giáo sống động.

Từ Khóa: sứ vụ, truyền giáo, Châu Á, Tin Mừng cứu độ

Abstract

When exploring the mission of evangelism in Asia, we can clearly see that the Church's mission is to evangelize. This mission needs to penetrate into specific regions, localities, and involve specific individuals. It is precisely when the Church carries out this mission in such a concrete manner that it often faces numerous challenges from those very places. The current difficulties that the Church on this continent is facing include issues of pluralism, diverse religions, multiculturalism, and a variety of cultures. These challenges truly serve as obstacles to bringing the Gospel of salvation to this continent. However, these challenges cannot halt or cancel the missionary efforts of the Church in this region. On the contrary, the Church has found suitable approaches for this work, adapting to different cultures, delving into the hearts of nations by integrating cultures and engaging in dialogue with other religions in an open manner. The Church has taken positive steps to assimilate and seek ways to meet these cultures because the Church is not passive but rather dialogical and integrative within the hearts of the people to become a local Church. This Church incessantly engages in humble dialogue and love for traditions, diverse cultures, and vibrant religions.

Key words: mission, evangelism, Asia, Gospel of salvation

¹ Victorino Ginardi Stellin, *ibid.*, tr. 96.

² Arija. Roest Collies, James H. Kroeger & Peter Phan Đình Cho, eds., *ibid.*, tr.111

DẪN NHẬP

Chủ đề báo *Chia sẻ* số này bàn về ơn cứu độ nơi một số tôn giáo. Việc tìm hiểu, đối thoại này là một tiến trình trong hội nhập văn hóa để loan báo Tin mừng, cách riêng cho mảnh đất Á châu giàu tính tâm linh này.

Trước khi về trời với Chúa Cha, Đức Giêsu đã để lại cho các môn đệ lệnh truyền “*Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo*” (Mc16,15). Đây chính là sứ vụ quan trọng đối với các môn đệ. Khi Chúa về trời, ngay sau ngày lễ Ngũ tuần, các môn đệ đã hăng say ra đi rao giảng lời Chúa cho tất cả các dân tộc trên thế giới. Ngày nay, lệnh truyền này cách riêng thúc bách các Giáo hội ở vùng Á châu này, làm sao để có thể gieo hạt giống Tin mừng vào những vùng đất đã có sẵn những truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo rất phong phú.



Quả thật, lục địa Á châu, nơi Thiên Chúa đã khởi đầu công cuộc cứu độ của Người, qua những người con của vùng đất này, như Môsê, các tổ phụ, những ngôn sứ, và sau cùng là chính Con Một Người, Đức Giêsu thành Nazareth. Đức Giêsu đã mặc lấy xác phàm để trở nên loài người, mang những nét đặc thù của nhân loại và cũng bắt đầu sứ vụ loan báo Tin Mừng tại đây¹.

Thách đố về sứ mạng của Giáo hội tại Á châu

Trong bối cảnh của Á châu, Giáo hội đã đang thực tế bước vào một vùng đất cụ thể và phải đối diện với những thách đố không thể tránh khỏi. Đức Hồng y Luis Antonio Tagle² khi đứng từ góc nhìn của Thượng Hội đồng Giám mục Á châu đã cho thấy 4 thách đố cơ bản của sứ vụ truyền giáo tại Á châu:

- Thách đố đầu tiên chính là các Giáo hội Á châu được mời gọi có một lập trường khiêm tốn và sâu sắc về truyền giáo. Nói cách khác, các Giáo hội Á châu được mời gọi để trở về với cách thế mà chính Đức Giêsu đã hoàn thành sứ mạng của Ngài. Thượng Hội đồng mời gọi mỗi người trong tư cách là nhà truyền giáo khi đứng trước những khó khăn của vùng đất này, hãy khiêm tốn để cho Đức Giêsu dạy dỗ, nhìn ngắm Ngài như nhà truyền giáo và được hoán cải. Chúng ta cần phải qua cuộc hoán cải để theo đường lối truyền giáo của Ngài. Bởi đây là sứ vụ của Đức Giêsu, tiên quyết đó là sứ vụ của Đức Giêsu chứ không phải của chúng ta hay của bất kỳ người nào khác.

- Thách đố thứ hai là việc Giáo hội được mời gọi để tiếp nối ngay trong khi Đức Giêsu và sứ vụ của Ngài vẫn hiện diện. Làm sao để trong cuộc gặp gỡ này, sứ mạng của Đức Kitô được mặc lấy một nhục thể, được mặc lấy một hình thể có tính hiện đại đối với con người Á châu? Ngay trong hành động của Thượng Hội đồng đã cho thấy một ý thức sâu xa về việc cử hành “tính Á châu của đức tin Kitô hữu”. Trong thánh lễ khai mạc và bế mạc Thượng Hội đồng, các phần trong thánh lễ được giao cho các Giáo hội khác nhau: Tin Mừng được công bố theo truyền thống Syro Malabar; Alleluia cử hành theo truyền thống Syro

¹ X. *Ecclesia in Asia*, số 1.

² Giám mục Luis Antonio Tagle (nay là Hồng y) đứng trong vai trò là một chuyên viên trong ban cố vấn hậu Thượng Hội đồng Giám mục Á Châu, và là người giúp đức Thánh cha soạn thảo tông huấn *Ecclesia in Asia* mà đức Thánh cha sẽ công bố sau Thượng Hội đồng. X. Luis Antonio Tagle, “Những thách đố trong sứ vụ truyền giáo tại Á châu: Nhìn từ Thượng Hội đồng Giám mục Á châu”, *Sứ vụ truyền giáo tại Á châu hôm nay*, Nguyễn Văn Chử biên tập, Trung tâm Học vấn Đaminh, 2007, tr. 64-73.

Malankara; dâng lễ vật được người Ấn Độ thực hiện theo vũ điệu tiền lùi của riêng họ; cuộc rước để đến gần Đức Thánh cha mất 30 phút; lúc thánh hiến, các trinh nữ Ấn Độ múa nhảy với hoa và nến... và mọi người đều cảm thấy hạnh phúc về những khác biệt cùng được cử hành chung trong thánh lễ này. Cũng có thể nói, họ hạnh phúc vì phần nào đó thấy được hình ảnh Đức Kitô trong bản sắc riêng của mình.

- Thách đố thứ ba thuộc về Kitô học, người Kitô hữu sống linh đạo Kitô của mình như thế nào. Thách đố này là thách đố cho chính đời sống nội tại người Kitô hữu khi bước vào trong môi trường này. Và ở đây, Hồng y Antonio Tagle cho thấy ý hướng của Thượng Hội đồng Giám mục là nhắm vào niềm tin của người Kitô hữu. Đóng góp độc đáo của người Kitô hữu trong vùng Á châu này chính là niềm tin của mỗi người vào Đức Kitô. Vì không ai có thể chia sẻ Đức Kitô như chúng ta. Thượng Hội đồng nhấn mạnh rằng nếu có điều gì đó chúng ta có thể nói với những người đang đặt ra những câu hỏi sâu xa về cuộc sống, thì câu trả lời của chúng ta phải là Đức Kitô và tất cả những gì Ngài dạy. Nhưng để có thể nói gì đó về Đức Kitô thì không phải là đơn giản. Chúng ta có thể hiểu và nói về Đức Kitô như thế nào giữa một thế giới có thật nhiều tôn giáo và cứu độ học như châu Á? Đây là thách đố đụng chạm đến căn tính Kitô hữu và chiều sâu tâm linh của mỗi người.

Cuối cùng, thách đố thứ tư đụng chạm đến cái nhìn và hành động của Giáo hội trước hiện thực của một xã hội mà Giáo hội đang tìm cách đi vào. Câu hỏi được đặt ra là chúng ta nên đi vào và đem ơn cứu độ của Đức Giêsu đến những lãnh vực nào của đời sống ở Á châu?¹ Thượng Hội đồng cố gắng tập trung vào những lĩnh vực thiết thực như trước hết là việc loan báo qua lời Chúa. Một số Giám mục đề nghị cách giải thích Thánh Kinh theo cách thức và văn hóa của người Á châu, một số khác lại đề nghị nên đi kèm theo việc loan báo về Lời là đời sống chiêm niệm². Các giải đáp tiếp theo là sự hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương³, sự đối thoại, việc kiến tạo hòa bình⁴, và sau cùng là phát triển, thành lập và chuẩn bị những tác nhân truyền giáo⁵.

¹ Luis Antonio Tagle, *ibid.*, tr. 73.

² Một câu hỏi thiết thực được đặt ra là tại sao ở châu Á, với các lĩnh vực giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bệnh viện, bác ái hay các dịch vụ xã hội khác.. người ta dễ tìm kiếm phẩm chất trong các tổ chức của người Công giáo, nhưng khi cần đến sự hướng dẫn tâm linh thì họ lại thích đến với các nhà sư Phật giáo hay các đan sĩ Ấn giáo?

³ Tại kỳ họp của Thượng Hội đồng, một Giám mục Irak, người Chalde, là Giám mục duy nhất cho toàn nước Irak và toàn thể người Chalde, trong một lần nói chuyện với Giám mục Antonio Tagle, ngài hỏi:

Giáo phận của Đức cha có bao nhiêu Linh mục ?

Chúng tôi có gần 80 người - Giám mục Antonio Tagle trả lời.

Xem nào, đó chỉ là một giáo phận, còn chúng tôi chỉ có 60 Linh mục cho toàn thể quốc gia. Hãy gửi cho chúng tôi một vài Linh mục nhé !

Vâng, chúng tôi sẽ gửi...

Vị Giám mục người Chalde lại hỏi tiếp: “Xin giúp chúng tôi suy nghĩ về điều kỳ lạ này là tại sao ngày nay đã không còn các Giáo hội tiên khởi ? (...) Tại sao Thiên Chúa lại để cho các Giáo hội này biến mất ? Phải chăng chúng ta không thành thật với ơn gọi của chúng ta ở Á Châu ? Phải chăng chúng ta không được kêu gọi để thực sự trở nên đàn chiên nhỏ bé ? (...) Có thể chúng ta thực sự được gọi để mãi là một đàn chiên nhỏ bé không ?...”. Giám mục Antonio Tagle trả lời: “Thưa Đức cha, tôi không biết trả lời thế nào. Đó là một câu hỏi khó”. X. Luis Antonio Tagle, *ibid.*

⁴ Chính đức Giám mục Hamo, Nhật Bản đã thúc đẩy việc này khi ngài nhắc lại một số bất công mà quân đội Nhật đã làm trong thế chiến thứ 2 mà Giáo hội Nhật đã không hề lên tiếng chống lại.

⁵ Thượng hội đồng có trực giác sâu sắc về điều này rằng đã hẳn Chúa Thánh Thần là tác nhân chính trong việc truyền giáo, nhưng tại Á Châu, chính các Giáo hội địa phương là tác nhân truyền giáo chứ không phải

Có thể xem một vài lãnh vực đã được Thượng hội đồng nêu lên trong suốt khóa họp như là những giải đáp cụ thể cho Giáo hội Á châu. Cũng nhắc lại mong muốn của Đức Gioan Phaolô II trong tông huấn *Ecclesia in Asia* về việc Giáo hội trong công cuộc Phúc Âm hóa cần thiết phải đi sâu thật sâu vào những riêng tư của từng cá nhân những con người tại Á châu¹, và từ đây, nền thần học sứ vụ sẽ phải nghiêm túc nhìn thẳng vào mọi khía cạnh trong môi trường cụ thể này.

Mở ra cho gặp gỡ

Dưới quan điểm của linh mục Phan Đình Cho thì chiến lược mà Giáo hội đặt ra hiện nay cho công cuộc loan báo Tin Mừng tại Á châu chính là hội nhập văn hóa cho đa dạng văn hóa và đối thoại liên tôn cho đa nguyên tôn giáo². Nhưng ngài cũng cho rằng có một cảm dỗ nghiêm trọng trong việc hội nhập văn hóa và đối thoại liên tôn. Đó chính là việc loại bỏ dần những đặc trưng tôn giáo trong giáo lý, trong các thực hành luân lý cũng như trong các truyền thống đan tu.

Khi nhấn mạnh đến khía cạnh hội nhập văn hóa, các nhà thần học³ cũng phần nào dựa theo tông huấn *Ecclesia in Asia* để trình bày những cách thức trong công việc này. Trước hết đó là sự hội nhập từ bên trong. Một sự chuyển biến theo kiểu bầu da mới mà Tin Mừng đã tiên báo, đòi hỏi một sự xét duyệt và thẩm định lại chính đời sống Giáo hội: (1) từ cơ cấu và kỷ luật; (2) việc nghiên cứu thần học và cách thức diễn tả Đức tin; (3) việc phụng vụ cũng như các hình thức phụng tự khác; (4) linh đạo và các mẫu gương thánh thiện. *Ecclesia in Asia* nhấn mạnh việc tìm hiểu sâu xa những yếu tố làm nên linh đạo và kinh nguyện gắn gũi với tâm hồn châu Á⁴.

Đường hướng thứ hai là hội nhập văn hóa từ bên ngoài. Đường hướng này nhấn mạnh vào đời sống và sứ điệp Kitô giáo cần phải góp phần thế nào cho sự tăng trưởng và làm phong phú văn hóa của mỗi dân tộc. Và giữa vô vàn những cách thể biểu lộ của Giáo hội, vẫn cần nhất là đời sống chứng tá và đối thoại⁵ – “Giáo hội chỉ đề nghị chứ không áp đặt bất cứ điều gì”. Đây là nỗi bận tâm và ưu tư của cả hai vị cố Giáo hoàng Phaolô VI⁶ và Gioan Phaolô II⁷. Ngang qua *Ecclesia in Asia*, Đức Gioan Phaolô II cho thấy ngài muốn Giáo hội trong công cuộc Phúc Âm hóa cần thiết phải đi sâu thật sâu vào những riêng tư của từng cá nhân những con người tại Á châu này⁸. Nói theo kiểu của Roest Crollius thì giữa những con người trưởng thành và văn minh hôm nay, không có cách nào khác để truyền đạt một niềm tin riêng tư và sâu thẳm cho bằng con đường tiếp xúc cá nhân với lòng tôn trọng sâu xa những xác tín cá nhân của người khác. Tuy nhiên, nhà thần học này cũng lưu ý về một sự tinh tế trong việc phân định tâm linh của chúng ta, những con người đang phục vụ cho sứ vụ của

cá nhân, và tất cả các thành phần khác nhau làm nên hay thuộc về Giáo hội địa phương đều phải được thúc đẩy để truyền giáo.

¹ *Ecclesia in Asia*, số 20.

² Peter Phan Đình Cho, *ibid.*, tr. 50.

³ Arija. Roest Crollius, James H. Kroeger & Peter Phan Đình Cho, eds. “Hội nhập văn hoá và Giáo hội tại Á châu”, *Sứ vụ truyền giáo tại Á châu hôm nay*, Nguyễn Văn Chừ biên tập, Trung tâm học vấn Đaminh, 2007, tr. 109.

⁴ *Ecclesia in Asia*, số 22.

⁵ *Ad Gentes*, số 11.

⁶ Phaolô VI, *Ecclesiam Suam*.

⁷ *Redemptoris Missio*, số 39.

⁸ *Ecclesia in Asia*, số 20.

Nước Thiên Chúa. Và để làm được như thế, chắc chắn là phải cần đến một sự trưởng thành toàn diện nơi những nhà truyền giáo hôm nay.

Đường hướng thứ ba được quan tâm chính là vai trò của các Giáo hội địa phương. Đây là đường hướng không tập chú vào cơ cấu hay kỷ luật, nhưng là quan tâm đến môi trường sống và hoạt động mục vụ của các Giáo hội địa phương. Một mô tả về những kiểu Giáo hội này được Liên Hội đồng Giám mục Á châu năm 1947 nhắc tới:

Giáo hội địa phương là một Giáo hội nhập thể trong lòng dân tộc, một Giáo hội bản xứ và hòa nhập. Và một cách cụ thể, điều này có nghĩa là một Giáo hội đối thoại không ngừng, khiêm tốn và yêu thương với những truyền thống, những nền văn hóa và các tôn giáo sống động – tóm lại, với tất cả những thực tại cuộc sống của dân tộc, nơi ấy Giáo hội cảm rẽ cách sâu xa và hân hoan đón nhận lịch sử và cuộc sống của dân tộc ấy làm của mình. Giáo hội ấy tìm cách chia sẻ bất cứ điều gì thực sự thuộc về dân tộc ấy, như là: các ý nghĩa và giá trị, những khát vọng, tư tưởng và ngôn ngữ cũng như nghệ thuật, thậm chí ngay cả những khiếm khuyết và những thất bại, nhờ đó, tất cả cũng được chữa lành. Vì chính Con Thiên Chúa đã đón nhận tình trạng sa ngã, yếu đuối của con người (ngoại trừ tội lỗi), hầu Người có thể thực sự lấy đó làm của mình và cứu độ họ qua mâu nhiệm phục sinh của mình.¹

Và điều quan trọng đi liền với tiến trình hội nhập, mà thậm chí còn quan trọng hơn, phải là sự dẫn thân cho sự giải phóng và thăng tiến con người. Nếu thực tại châu Á là nơi mà văn hóa và tôn giáo cộng sinh một cách sống động và tương tác lẫn nhau trong sự phức tạp của lịch sử và hiện đại, thì vấn đề hội nhập hay đối thoại không thể tách khỏi và càng không thể làm ngưng trệ giải phóng và thăng tiến con người. Chẳng hạn khi đối thoại với các nền văn hóa và tôn giáo ở Ấn Độ hiện nay, không thể nào chỉ giới hạn nền văn hóa của giới thượng lưu, các loại kinh điển hay các nghi lễ của Ấn giáo, song còn phải nhất thiết quan tâm đến tiếng nói của những người sống bên lề xã hội, những nỗi khổ đau của giai cấp Dalit và các bộ lạc². Đây là điều hết sức quan trọng cho tâm thức sứ mạng của Giáo hội, cách riêng các nhà truyền giáo. Và phải nói chắc như Đức Gioan Phaolô II rằng công cuộc Phúc Âm hóa cần thiết phải đi sâu thật sâu vào những riêng tư của từng cá nhân những con người tại Á Châu. Những cá nhân này phải được hiểu là không thể làm ngưng trệ hay kiểu “tạm thời khát lại” đối với bất kỳ ai hay bất kỳ thành phần nào bé nhỏ nào trong xã hội. Câu chuyện về chiên và dê trong ngày phán xét cho thấy Thiên Chúa quan tâm trước hết tới những con người, những thành phần nhỏ bé và đau khổ bên lề xã hội.

Việc đối thoại liên tôn cũng là một thách đố không nhỏ cho công cuộc loan báo Tin Mừng của Giáo hội tại Á Châu. Tuyên Ngôn *Nostra Aetate*³ của Công Đồng, một lần nữa được Đức Gioan Phaolô II diễn giải lại trong tông huấn Giáo hội tại Á Châu:

Khi đã nhấn mạnh về sự cần thiết của sự đối thoại liên tôn để tiến tới một đức tin vững mạnh trong Đức Kitô, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nói tiếp về sự cần thiết phải đối thoại bằng cuộc sống và con tim (dialogue of life and heart). Môn đệ Đức Kitô phải có tâm lòng hiền lành và khiêm nhượng của Thầy mình, không bao giờ tỏ ra kiêu căng, không bao giờ có thái độ hạ cố, khi gặp những đối tác trong cuộc đối thoại (x. Mt 11,29).

¹ Liên Hội đồng Giám mục Á châu I, 12.

² Peter Phan Đình Cho, *ibid.*, tr. 51.

³ *Nostra Aetate* là Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, một văn kiện ngắn của Công đồng Vaticanô II ban hành ngày 28 tháng 10 năm 1965. Bản tuyên ngôn nhắm đến tình bác ái hiệp thông giữa con người với nhau, và đưa ra một vài chỉ dẫn quan trọng như là những nguyên tắc cho việc đối thoại của Giáo hội như: bác ái, tôn trọng, đối thoại, chân nhận những giá trị luân lý và tôn giáo, cổ võ sự hiệp nhất và yêu thương giữa hết mọi người...

Những liên hệ liên tôn được phát huy tốt nhất trong khung cảnh cởi mở với những tín hữu khác, một thái độ sẵn sàng lắng nghe, ước muốn kính trọng và hiểu biết kẻ khác trong sự khác biệt của họ. Để đạt được tất cả điều đó, cần phải thương yêu kẻ khác. Điều đó phải dẫn đến sự hợp tác, hoà hợp và làm giàu cho nhau.¹

Ngài xem đó là Hiến chương về đối thoại liên tôn của thời đại chúng ta. Ngài cũng nhắc lại những gì thiết yếu đã nói trong văn kiện Sứ vụ Đấng Cứu Chuộc². Đó là:

Không thể loại bỏ các nguyên tắc³, cũng không nên chủ trương hoà giải giả tạo, nhưng ngược lại, phải làm chứng lẫn cho nhau để cùng nhau tiến bước trên con đường tìm kiếm và sống kinh nghiệm tôn giáo, và đồng thời loại bỏ được những tiên kiến, bất bao dung và hiểu lầm. Chỉ những người có đức tin Kitô giáo trưởng thành và xác tín, mới có tư cách dẫn thân vào việc đối thoại liên tôn chân chính. Chỉ những Kitô hữu được chìm sâu vào trong mầu nhiệm Đức Kitô và sống hạnh phúc trong cộng đồng đức tin của họ, mới có thể dẫn thân vào việc đối thoại liên tôn, mà tránh được sự liêu lĩnh không đáng và có hy vọng hái được hoa quả tích cực. Do đó, điều quan trọng tại Á Châu là cung cấp những kiểu mẫu xứng hợp⁴ cho cuộc đối thoại liên tôn - Phúc âm hoá trong đối thoại và đối thoại để Phúc âm hoá - và sự đào tạo xứng hợp cho những ai dẫn thân vào đó.

Như vậy, công cuộc đối thoại ngay tại vùng đất Á châu này cũng có đầy những đòi hỏi không hề đơn giản đối với Giáo hội. Để có thể có những sứ đồ Đức Giêsu trưởng thành trong niềm tin chắc hẳn Giáo hội phải đầu tư cũng như chuẩn bị rất nhiều. Nó đòi hỏi canh tân nội tâm về đức tin và đời sống Kitô giáo cũng như một sự dẫn thân không mệt mỏi nơi chính Giáo hội – những môn đệ ngày hôm nay của Đức Giêsu giữa lòng châu Á. Đối thoại như thế nào cũng đều phải đi được tới hiệp thông là khía cạnh thiết yếu của sứ mạng Giáo hội.

Và một điều mà Giáo hội Á châu không được quên dù là trong hội nhập hay đối thoại, đó là nếu việc “mở ra cho gặp gỡ” giống như một hành trình ra đi, thì Giáo hội cần phải luôn ý thức sự ra đi đó là ra đi trong sự soi rọi của Ba Ngôi. Chính mầu nhiệm Ba Ngôi trong một Chúa sẽ là một lý giải và hy vọng cho Giáo hội trước một vùng đất đầy những khác biệt như Á châu.

Một khía cạnh khác mà thần học sứ vụ cũng cần quan tâm là vấn đề đa phức tôn giáo và đa nguyên tôn giáo, với trình bày của Edgar G. Javier, đã đang nan giải trên thực tế của lục địa này.

Các nhóm tôn giáo đang xung đột với nhau. Ở Nam Á, đây là vấn đề quan trọng. Amaladoss đã liệt kê các trường hợp sau đây:

Tại Ấn Độ, các cuộc bạo động giữa Ấn giáo và Hồi Giáo đã diễn ra hơn 70 năm nay. Và gần đây, tín đồ Ấn giáo bản thủ đã tấn công các Kitô hữu. Tại Pakistan và Bangladesh, phần đông tín đồ Ấn giáo là dân nhập cư. Tại Pakistan, những luật chống phạm thượng

¹ *Ecclesia in Asia*, số 31.

² *Redemptoris Missio* là Văn kiện được ban hành sau hai mươi lăm năm sau khi Công Đồng kết thúc và phổ biến Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo *Ad Gentes*, mười lăm năm sau Tông Huấn *Evangelii Nuntiationi* do Đức Phaolô VI ban bố, và để tiếp tục giáo huấn thuộc huấn quyền của các vị tiền nhiệm của mình, Đức Gioan Phaolô II muốn kêu mời Giáo Hội *hãy canh tân lại việc dẫn thân truyền giáo của mình*. Văn kiện này nhằm đến việc canh tân nội tâm về đức tin và đời sống Kitô giáo – một mô hình thần học sứ vụ nhấn mạnh vai trò trung tâm của Đức Giêsu và tầm quan trọng của việc chia sẻ sự thật của Thiên Chúa cho nhân loại.

³ Ngài muốn nói đến những nguyên tắc đã được đưa ra trong tuyên ngôn *Nostra Aetate* của Công đồng.

⁴ Cho đến nay, một kiểu mẫu vẫn luôn được xem là xứng hợp nhất là mẹ Têrêsa Caccutta.

đường như nhắm đến các Kitô hữu. Tại Sri Lanka, cuộc nội chiến đang diễn ra trên bình diện sắc tộc lẫn tôn giáo. Tại Myanmar, các cuộc xung đột giữa chính phủ với các nhóm phiến loạn Karen cũng bắt nguồn trên hai bình diện sắc tộc và tôn giáo.

Tại Đông Nam Á, chúng ta cũng thấy nhiều trường hợp tương tự. Tại Philippines, lâu nay vẫn xảy ra các cuộc xung đột vũ trang giữa Kitô giáo và Hồi giáo. Tại Indonesia cũng xảy ra các cuộc xung đột tương tự giữa Kitô giáo và Hồi giáo.¹

Xung đột tôn giáo là một trong những hệ quả của đa phức và đa nguyên tôn giáo. Tuy nhiên, G. Javier cũng cho thấy đa nguyên luôn đi kèm với thái độ vô tín và hoài nghi các hệ thống niềm tin cũng như các hệ thống giá trị, nhưng không loại trừ niềm tin cũng như các giá trị.

Người châu Á cùng với sứ vụ của Giáo hội

Tương quan về kinh tế xã hội, hoàn cảnh nghèo đói dai dẳng và sự khai thác bóc lột dân chúng là những sự việc đáng lo lắng nhất. Tại Á châu có hàng triệu người bị áp bức, qua bao thế kỷ bị đặt bên lề xã hội về mặt kinh tế, văn hoá và chính trị, sự nghèo đói và khai thác bóc lột người phụ nữ vẫn là một vấn đề nghiêm trọng. Phụ nữ mù chữ nhiều hơn đàn ông; và trẻ gái bị giết khi còn là thai nhi hoặc sau khi ra đời xem ra cũng nhiều hơn. Cũng có hàng triệu người bản xứ hay dân bộ lạc khắp vùng Á châu đang sống biệt lập về mặt xã hội, văn hoá và kinh tế khỏi tầng lớp dân đang thống trị...²

Tuy nhiên về các giá trị khác, người châu Á càng ngày càng ý thức về nhân phẩm và các quyền của mình và quyết tâm hơn để gìn giữ nó. Dân Á châu hãnh diện về các giá trị tôn giáo và văn hoá của mình, như yêu mến sự thanh lặng và chiêm ngưỡng, sự đơn sơ, hài hoà, quên mình, bất bạo động, chăm chỉ làm việc, kỷ luật, sống mộc mạc, khao khát hiểu biết và tìm kiếm triết lý. Họ quý trọng những giá trị như tôn trọng sự sống, lòng trắc ẩn đối với mọi sinh vật, gần gũi với thiên nhiên, hiếu thảo với cha mẹ, đàn anh và tổ tiên, và một ý thức cộng đồng cao độ. Đặc biệt, họ coi gia đình là nguồn sống ban sức mạnh, một cộng đồng liên kết chặt chẽ có một cảm thức mạnh mẽ về tình liên đới. Các dân tộc Á châu nổi tiếng có tinh thần bao dung tôn giáo và sống chung hoà bình. Tuy không phủ nhận rằng còn có những sự căng thẳng chua xót và những xung đột dữ dội, nhưng có thể nói rằng châu Á thường tỏ ra có một khả năng thích nghi đặc biệt và cởi mở tự nhiên đối với nền phong phú các dân tộc, giữa tình trạng đa nguyên tôn giáo và văn hoá.³

Đây là những giá trị căn bản của con người Á châu. Việc nhận định rõ ràng những điểm này sẽ giúp Giáo hội khám phá được những đóng góp to lớn của cộng đồng người Á châu cho công cuộc loan báo Tin Mừng, đồng thời cũng cho Giáo hội có một hướng đi cụ thể trong việc phục vụ cộng đồng các dân tộc sống tại vùng đất này.

Đường lối cho sứ vụ của Giáo hội tại đây được Thượng Hội đồng nghiên cứu cẩn thận và hướng dẫn khá rõ ràng, cụ thể. Từ tầm nhìn mà Đức Thánh cha đặt ra⁴, Thượng Hội đồng không ngừng ưu tư về sứ vụ yêu thương và phục vụ của Đức Giêsu tại Á châu: làm sao để

¹ Edgar G. Javier, "Đối thoại liên tôn tại Á châu: những vấn đề và thách đố hiện nay" (Quezon City: Claretian Publications, 2006), *Sứ vụ truyền giáo tại Á châu hôm nay*, Nguyễn Văn Chử biên tập, Trung tâm Học vấn Đaminh, 2007.

² *Ecclesia in Asia*, số 7.

³ *Ibid.*, số 6.

⁴ "Chúng ta phải viết lên những chương mới về chứng từ Kitô giáo trong mọi lãnh thổ của thế giới và tại Á châu, từ Ấn Độ tới Indonesia, từ Nhật Bản tới Liban, từ Hàn Quốc tới Kazakhstan, từ Việt Nam tới Philippines, và từ Serbia tới Trung Quốc".

cho họ được sống và sống dồi dào ân thánh Tin Mừng¹. Và trong điều kiện các Giáo hội Á châu cần phát triển những nỗ lực tôn giáo mới cho bối cảnh Á châu, Thượng Hội đồng cũng như cách riêng với mỗi đại biểu đều cho thấy cách tiếp cận của công cuộc rao giảng Tin Mừng cần khởi đi từ chính những đặc trưng từ con người và văn hóa sống của họ.

Thượng Hội đồng trước tiên muốn mỗi nhà truyền giáo trong sự ra đi của mình phải khởi đi từ một nền linh đạo truyền giáo sâu xa, bắt nguồn từ Đức Giêsu, nhấn mạnh cách đặc biệt tới lòng trắc ẩn, liên đới với người nghèo và người đau khổ² - một sự trắc ẩn, quan tâm đến từng cá nhân con người trong đó. Thượng Hội đồng nói rằng với người Á châu, Đức Giêsu hoàn toàn có thể được biết đến với tư cách cá nhân qua những kinh nghiệm của con người hơn là học thuật. Và tính khả hữu của nhà truyền giáo nằm ở chỗ bản tính là người nam người nữ, sống đơn giản và sâu sắc hơn là một học giả³. Giám mục Ignatius Suharyo Hardjoatmodjo, người Indonesia, cho biết rằng: ở Á châu, người ta tin vào điều mình nhìn thấy, người ta đánh giá những con người và những tương quan hơn là học thuyết; cho nên trong công cuộc rao giảng Tin Mừng, Giáo hội nên học biết người ta đánh giá con người và những mối tương quan như thế nào... và ngài chỉ ra rằng chính những đặc trưng châu Á này là lời mời gọi đầu tiên để Giáo hội bắt đầu sứ vụ của mình.⁴ Cũng trong tầm nhìn đó, Hồng y Joseph Mary Phạm Đình Tụng vạch ra cho thấy yếu tố đối thoại tại châu Á phải là đối thoại về cuộc sống và không được phòng thủ với bất kỳ ai. Ngài cho thấy một chứng nhân cụ thể là Mẹ Têrêsa Calcutta, chính bằng cách đó, mẹ đã chỉ cho Giáo hội con đường đối thoại với Ấn giáo cũng như với tất cả các tín đồ các tôn giáo khác tại Á châu này.⁵

Thượng Hội đồng cũng không ngần ngại đề nghị những sáng kiến mới về truyền giáo cho bối cảnh cụ thể tại Á châu này. Một trong những sáng kiến quan trọng và được quan tâm đặc biệt nhất là việc khuyến cáo mọi Giáo hội địa phương ở châu Á, nơi nào chưa có, nên thành lập các tu đoàn tông đồ truyền giáo⁶, có đặc tính là dân thân hoàn toàn cho sứ vụ *Ad Gentes*, *Ad Exteros*, và *Ad Vitam*. Bên cạnh đó Thượng Hội đồng cũng tái khẳng định lại vai trò của từng người Kitô hữu, dù thuộc thành phần nào, lứa tuổi nào⁷.

Người nữ tại Á châu cũng là điều Thượng Hội đồng quan tâm lưu ý đến cho các Giáo hội. Khi suy nghĩ về hoàn cảnh người nữ trong xã hội Á châu, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng việc gây ý thức cho người nữ về nhân phẩm và quyền lợi của họ là một dấu chỉ thời đại có ý nghĩa nhất⁸.

¹ Ga 10, 10. X. James H. Kroeger, *ibid.*, tr. 9.

² James H. Kroeger, *ibid.*, tr. 18.

³ *Ibid.*, tr. 19.

⁴ *Ibid.*, tr. 16.

⁵ *Ibid.*, tr. 17.

⁶ Cha Edward F. Malone, trợ lý tổng thư ký Thượng Hội đồng Giám mục Á châu ghi nhận: đã có sáu tu hội nam xuất hiện ở Châu Á. Đó là (1) Hội Thừa sai Philippines, (2) Hội Thừa sai thánh Toma tông đồ ở Ấn Độ, (3) Hội Thừa sai Công giáo Hàn Quốc, Hội Thừa sai Thái Lan, Hội Thừa sai Lorenzo Ruiz ở Philippines, và hội Các Sứ giả Tin Mừng ở Ấn độ. Các nhóm này có đặc sủng truyền giáo *ad gentes* (đến với những ai chưa hề được nghe Tin Mừng giải thoát và cứu độ của Đức Giêsu), *ad exteros* (đến với những người ở ngoài nhóm văn hóa, ngôn ngữ và dân tộc mình), và *ad vitam* (tự nguyện hiến dâng đời sống dân thân suốt đời cho mô hình truyền giáo này).

⁷ Ông Nicholas Somchai Tharaphan, Thái Lan, trong suốt khóa họp của Thượng Hội đồng, ông cứ nhắc đi nhắc lại "Khi Giáo hội cố gắng tìm kiếm một lối hiện hữu mới tại Á châu, Giáo hội phải học cách đồng hành với giới trẻ."

⁸ *Ecclesia in Asia*, số 7.

Mặc dầu không trực tiếp đề cập đến cộng đồng người Á châu, nhưng mô hình *Evangelii Nuntiandi* cũng giống lên một sứ điệp về việc giải phóng con người:

Giữa việc truyền bá phúc âm hoá và việc thăng tiến của con người - việc phát triển và giải phóng - thực sự có những liên hệ sâu xa.

Các dân tộc đang tận lực gắng sức và chiến đấu để thắng vượt những gì áp buộc họ cứ phải sống bên lề cuộc đời: như đói khát, bệnh tật kinh niên, nạn mù chữ, bần cùng, những bất công nơi các liên hệ quốc tế và nhất là nơi những giao dịch về thương mại, những trường hợp tân thực dân về kinh tế và văn hoá đôi khi cũng dữ tợn như chủ nghĩa thuộc địa cũ. Như các vị giám mục lập đi lập lại, Giáo hội có nhiệm vụ phải loan báo việc giải phóng cho triệu triệu con người, trong đó nhiều người là con cái của Giáo hội - có nhiệm vụ tiếp tay giúp vào việc chào đời của cuộc giải phóng này, giúp vào việc làm chứng cho nó, giúp vào việc bảo đảm đạt thành nó.¹

Giáo hội chắc chắn lấy làm quan trọng trong việc xây dựng những cơ cấu nhân bản hơn, chính trực hơn, tôn trọng nhân quyền hơn, ít bị đàn áp và cầm buộc hơn, thế nhưng, Giáo hội cũng nhận thức rằng, các cơ cấu hay nhất và những tổ chức lý tưởng nhất chẳng bao lâu sẽ trở thành vô nhân bản, nếu những bản năng vô nhân bản của tâm can con người không được lành mạnh hoá, nếu những ai sống trong những cơ cấu này, hay những ai quản trị chúng, không chịu hoán cải cõi lòng và quan niệm của mình.²

Toàn bộ chương VI của *Ecclesia in Asia* mở ra như một hướng đi của nền thần học sứ vụ tại Á châu tiếp tục nhắm đến đến sự phục vụ của Giáo hội đối với sự thăng tiến con người. Á châu được mô tả với những hạn chế về quyền con người và vì lý do tôn giáo (số 33), nghèo khổ về mặt kinh tế (số 34), văn hóa sự chết và loại trừ (số 35). Hoàn cảnh đó tạo nên hằng triệu người nghèo, trẻ em bị bóc lột, phụ nữ bị đối xử như nô lệ, các người tị nạn, di dân, người thổ dân, những người không được chăm sóc về y tế. Việc bảo vệ nhân quyền và cổ võ công lý là một thách đố "không thể tránh và không thể khước từ" đối với Giáo hội. Phương tiện để thực hiện điều đó là dạy bảo về học thuyết xã hội của Giáo hội; tạo sự liên đới mới giữa các quốc gia giàu và quốc gia kém phát triển (số 32); dẫn thân trong việc giáo dục và y tế với một "căn tính Kitô giáo rõ rệt" (số 37); nỗ lực tìm kiếm hòa bình trên phương diện liên tôn giáo và quốc tế (số 38).

Đức Thánh Cha nhắc đến "những đau khổ của nhiều người dân tại một số nước ở Á châu mà do những hệ lụy khác nhau, phải thiếu thốn các tiện nghi căn bản để sống". Ngài kêu gọi những người có trách nhiệm hãy tìm kiếm "một giải pháp thích đáng cho sự khủng hoảng" (số 38). Ngài vạch ra cho Giáo hội những dẫn thân trong thế giới toàn cầu hóa, khuyến khích giáo dân tìm kiếm "những qui tắc đạo đức và pháp lý để đảm bảo "sự toàn cầu hóa mà không gạt một số người ra ngoài lề" (số 39); để giảm bớt nợ nần quốc tế, bằng cách kêu gọi các chính phủ chủ nợ diệt trừ nạn tham nhũng (số 40); bảo vệ môi sinh; dẫn thân cho công lý là một khía cạnh của sự thờ phượng Thiên Chúa cách đích thực (số 41).

Hướng tới Ôn cứu độ

Đây là một thực tại trung tâm của Tin Mừng tại Á châu, thực tại này đặt câu hỏi cho chính Giáo hội. Chúng ta có thể hiểu và nói về ơn cứu độ nơi Đức Kitô như thế nào giữa một thế giới có thật nhiều tôn giáo và cứu độ học như Á châu?

¹ *Evangelii Nuntiandi*, số 30.

² *Ibid.*, số 36.

Khi cố gắng trình bày về mầu nhiệm Ôn cứu độ cho mọi người, Giáo hội và các nhà truyền giáo học trong Giáo hội khởi đi ít nhất từ hai chân lý căn bản đó là: Thiên Chúa không kết tội ai về điều mà họ không có trách nhiệm; và Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ. G. Stellin tiếp tục triển khai đường hướng chủ đạo này để cho thấy: vì Thiên Chúa không kết tội ai về điều mà người đó không có trách nhiệm, nên cũng chẳng thể coi một ai đó là tội nhân chỉ vì họ sinh ra trong truyền thống tôn giáo Phi châu hay Á châu, hoặc trong Thần đạo, Ấn giáo hay Phật giáo... và vì Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ¹ chính là tín điều về ơn cứu độ phổ quát nơi Thiên Chúa², nên Ngài không ngần ngại ban cho hết các con cái của mình những phương tiện đầy đủ để được cứu độ, những phương tiện này nằm ngay trong môi trường lịch sử và văn hóa mà người đó đang sống³. Chính trong khung cảnh của lịch sử và văn hóa Á châu này, Giáo hội có một niềm tin vững vàng vào sự hoạt động năng động của Chúa Thánh Thần. Điều này được Đức Thánh cha Gioan Phaolô II, đại diện cho Giáo hội hoàn vũ, xác tín và tái khẳng định trong Tông huấn của ngài:

Giáo hội xác tín rằng tự sâu trong lòng dân chúng, trong các nền văn hoá và tôn giáo tại Á châu, có một cơn khát "Nước Hằng sống" (x. Ga 4,10-15), một cơn khát chính Thần Khí đã tạo ra. Và xác tín chỉ mình Đức Giêsu Cứu Thế mới có thể thoả mãn trọn vẹn. Giáo hội trông chờ Chúa Thánh Thần tiếp tục chuẩn bị các dân tộc Á châu vào cuộc đối thoại cứu độ với Đấng Cứu Thế của mọi người. Được Thần Khí hướng dẫn trong sứ vụ phục vụ và tình yêu, Giáo hội có thể trao tặng một cuộc gặp gỡ giữa Đức Kitô và các dân tộc tại Á châu khi họ đi tìm cuộc sống viên mãn. Chỉ trong cuộc gặp gỡ đó, mới gặp được nguồn Nước Hằng Sống vọt đến sự sống đời đời, nghĩa là, sự hiểu biết một Thiên Chúa duy nhất và Đức Giêsu Kitô mà Người đã sai đến (x. Ga 17,3).⁴

Trong mục này ta tạm thời dừng lại ở niềm xác tín về Ôn cứu độ. Còn câu trả lời sẽ phải là sự tích hợp, một cái nhìn tổng quát, chính những hằng số về sứ vụ được trình bày trong toàn bộ bài viết này.

Giới thiệu Đức Kitô

Các Giám mục Á châu nhắc đến các khó khăn khi rao giảng Đức Giêsu như Đấng Cứu độ duy nhất. Trong Hội nghị, bối cảnh Á châu đã được nhắc đến:

Một số người theo các tôn giáo lớn tại Á châu, không có vấn đề gì khi chấp nhận Đức Giêsu như một hiện hình của Thần Thánh hay Đấng Tuyệt Đối, hay là một minh chủ. Nhưng đối với họ thật khó mà công nhận Người như một hiện hình duy nhất của Thiên Chúa.

Thật thế, nỗ lực chia sẻ ơn huệ đức tin vào Đức Giêsu như Đấng Cứu Độ duy nhất, gặp đầy đầy những khó khăn về phương diện triết học, văn hoá và thần học, đặc biệt trong ánh sáng của những niềm tin của các tôn giáo lớn tại Á châu, đan kết sâu xa với các giá trị văn hoá và những lối nhìn riêng biệt về thế giới. Nhưng các Nghị Phụ Thượng Hội đồng cũng nhìn nhận hoạt động của Thần Khí trong các xã hội, văn hoá và tôn giáo Á châu, nhờ đó mà Chúa Cha chuẩn bị tâm hồn cho các dân tộc Á châu đón nhận đầy đủ sự sống trong Đức Kitô.

Như vậy sứ vụ rao giảng Đức Giêsu theo một cách thức làm cho các dân tộc Á châu được đồng hoá với Người, đang khi vẫn trung thành với giáo thuyết thần học của Giáo hội và với những nguồn gốc Á châu của mình, sứ vụ đó là một thách đố tột bậc.

¹ 1Tm 2, 4.

² *Lumen Gentium*, số 2.

³ Victorino Ginardi Stellin, *ibid.*, tr. 96.

⁴ *Ecclesia in Asia*, số 18.

Phát biểu của Giám mục Ramon B. Villena, người Philippines, trong Thượng Hội đồng có lẽ là một ý tưởng hay trước các vấn nạn về Đức Giêsu được đặt ra tại vùng đất phức tạp này. “Đức Giêsu được sinh ra tại châu Á. Tin Mừng cũng được viết tại châu Á. Bằng đời sống chứng nhân, chúng ta truyền giáo cho người châu Á để họ có thể nói: ‘Đức Giêsu đã trở lại Á châu’”.¹

Điều có thể tác động đến người Á châu để đi tới một sự hoán cải tâm trí phải đến từ một kinh nghiệm sống thực tế. Cũng vậy, để người châu Á để họ có thể nói: ‘Đức Giêsu đã trở lại Á châu’ đòi hỏi Giáo hội phải cho họ những kinh nghiệm thực tế mà họ có thể nhận diện sự hiện diện của Đức Giêsu. Như Thượng Hội đồng đã vạch ra cho thấy trong bối cảnh và con người Á châu, những tác động từ kinh nghiệm sống thực sự có ý nghĩa như thế nào đối với họ. Cái quan trọng hơn cả về lời loan báo Tin Mừng tại Á châu này trước hết phải là đời sống chứng tá sâu xa với tình yêu thương, sự quan tâm, lòng trắc ẩn, trong thái độ khiêm tốn lắng nghe của nhà truyền giáo, đúng hơn là của bất kỳ ai ý thức bản thân mình là Kitô hữu, là người có sứ mạng và có trách nhiệm về sứ mạng.

Làm chứng về Đức Giêsu Kitô là công việc phục vụ cao cả nhất mà Giáo hội có thể trao tặng cho các dân tộc Á châu, bởi vì việc đó đáp ứng với sự ước mong sâu xa của họ được gặp Đấng Tuyệt Đối, và nó cũng vén mở những chân lý và những giá trị bảo đảm sự phát triển toàn diện con người.²

Vì ý thức sâu xa đến tính phức tạp của rất nhiều hoàn cảnh khác nhau tại Á châu, và phải "nói sự thật trong tình bác ái" (Ep 4,15), nên Giáo hội loan báo Tin Mừng với lòng kính nể và tôn trọng đầy yêu thương đối với thánh giả của mình. Việc loan báo mà tôn trọng các quyền của lương tâm thì không xúc phạm tự do, bởi vì đức tin luôn đòi hỏi một sự đáp trả tự do về phía cá nhân. Tuy nhiên sự kính trọng không loại đi sự cần thiết phải rao giảng công khai Tin Mừng trong sự toàn vẹn của nó. Cách riêng trong bối cảnh nhiều nền văn hoá và tôn giáo tại Á châu, phải nêu rõ rằng "không phải sự kính nể và tôn trọng các tôn giáo này, cũng không phải tính phức tạp của các vấn đề nảy sinh, là một lời mời gọi Giáo hội rút lui khỏi sự rao giảng Đức Giêsu cho những người không Kitô hữu này".

Các Nghị phụ Thượng Hội Đồng ý thức rõ về nhu cầu khẩn thiết của Giáo hội tại Á châu, muốn trình bày mẫu nhiệm Đức Kitô cho các dân tộc mình, theo những kiểu mẫu văn hoá và cách suy nghĩ của họ. Nhưng sự chấp nhận đức tin của một con người phải được đặt nền tảng trên một sự hiểu biết chắc chắn về con người Đức Giêsu.³

Việc trình bày Đức Giêsu Kitô là một Đấng Cứu Độ duy nhất, cần phải theo một khoa sư phạm, từng bước dẫn đưa dân chúng đến việc đón nhận trọn vẹn mẫu nhiệm. Rõ ràng là việc loan báo Tin Mừng lần đầu tiên những người không Kitô hữu, và việc rao giảng Đức Giêsu tiếp theo đó cho những kẻ tin, phải khác nhau trong cách tiếp cận. Trong lần loan báo đầu tiên, chẳng hạn, "có thể trình bày Đức Giêsu Kitô như sự hoàn thành những khát vọng được diễn tả trong các thần thoại và văn học dân gian của các dân tộc Á châu". Nói chung, phương pháp kể chuyện, quen thuộc với văn hoá Á châu, thì đáng được dùng ưu tiên. Các Nghị Phụ lưu ý, Giáo hội phải cởi mở với những phương cách mới và gây ngạc nhiên, nhờ vậy mà gương mặt Đức Giêsu có thể được trình bày tại Á châu.

¹ James H. Kroeger, *ibid.*, tr., 13.

² *Ecclesia in Asia*, số 20.

³ *Ibid.*, số 23.

Một “Thế Giới Mới” – một cái nhìn cánh chung

Câu hỏi được đặt ra là khi nào thì vương quyền của Thiên Chúa ngự trị hoàn toàn ? Và Giáo hội tham dự vào tiến trình này như thế nào ?

Cuối cùng, công cuộc truyền giáo phải tất yếu dẫn tới điểm này: Nước Thiên Chúa, hay Vương quốc Thiên Chúa, hay Vương quyền Thiên Chúa, trước hết, là ở ý nghĩa hoàn toàn thần học.¹ Mọi người đều được Giáo hội mời gọi, nhưng không phải là mời gọi để đến với Giáo hội, mà là đến với Nước Thiên Chúa. Giáo hội tự thân tồn tại cũng là tồn tại cho Vương quốc này. Ngang qua Công đồng Vaticano II, Giáo hội đặt hy vọng vào tất cả những ai ý thức mình là Kitô hữu, là những người mang trong mình niềm hy vọng vô biên trong tình yêu thương của Thiên Chúa, biết cách và rộng tay trao cho con người đương thời hay hậu thế niềm tin và niềm hy vọng sống². Giáo hội đặt hy vọng vào các con cái của mình, không phải vì Giáo hội không thể trả lời cho ngày của Vương quyền Thiên Chúa, nhưng vì Nước Thiên Chúa là sự hoạt động của Ngài trong dòng lịch sử để biến đổi tạo vật. Và Giáo hội hy vọng niềm tin cùng niềm hy vọng sẽ là tiền đề cho ngày nhân loại gặp thấy Nước ấy. Hy vọng này căn cứ trên bản chất con người vốn được định nghĩa như một kẻ biết mở lòng ra đến với tha nhân và Thiên Chúa – Đấng Siêu Việt - để có thể thấy được chính mình đang phản chiếu trong đó. Mà kinh nghiệm cho thấy sự cởi mở vốn chỉ được hoàn thành khi con người sống trong một cộng đồng bằng tương quan mật thiết với niềm tin và hy vọng.

Đàng khác, Thánh Thần lại hiện diện trong lòng của mỗi con người, đồng thời hiện diện năng động trong văn hóa và lịch sử của các dân tộc³ để mời gọi con người, trong văn hóa và lịch sử của mình, cộng tác với Thánh Thần để nhân hóa và giải phóng các hình thức hiện diện của văn hóa và lịch sử như suy tư, truyền thống và tập quán... Qua đó ta thấy được Vương quốc Thiên Chúa trải rộng khắp thế giới chứ không giới hạn nhỏ bé trong Giáo hội. Nên sự hoàn thành Nước Thiên Chúa tại trần gian này chỉ có thể tìm thấy được trong nỗ lực của con người tìm kiếm ý nghĩa thế giới.

Đối với người Á châu, cần thiết phải minh chứng mà trong đó, Giáo hội phải cho thấy được sự nỗ lực không ngừng nghỉ của mình trên đường hy vọng, tìm kiếm, khám phá thực tại thế giới.

Vậy, khi rao giảng việc giải phóng và liên kết mình với những ai đang hoạt động và chịu khổ vì việc rao giảng, Giáo hội nhất định không muốn giới hạn sứ vụ của mình vào lãnh vực tôn giáo mà thôi (...), và không chịu thay thế việc loan báo vương quốc, bằng việc loan báo những thể thức giải phóng thuộc về nhân loại; Giáo hội còn nói lên rằng, việc đóng góp của Giáo hội vào việc giải phóng sẽ không trọn vẹn, nếu Giáo hội lơ đãng trong việc loan báo ơn cứu độ trong Chúa Giêsu Kitô.⁴

¹ *Evangelii Nuntiandi*, số 32.

² *Gaudium et Spes*, số 31.

³ *Redemptoris Missio*, số 28.

⁴ *Evangelii Nuntiandi*, số 34.

KẾT LUẬN

Khi tìm hiểu về sứ vụ truyền giáo tại Á châu, chúng ta có thể nhận thấy rõ ràng sứ vụ của Giáo hội là truyền giáo. Sứ vụ này cần đi vào trong những miền đất, những địa phương với những con người cụ thể. Chính khi Giáo hội thực thi sứ vụ cách cụ thể như vậy, Giáo hội thường gặp phải không ít những khó khăn từ chính những nơi đó. Những khó khăn hiện nay mà Giáo hội nơi lục địa này đang gặp phải, với những vấn đề về đa nguyên, đa tôn giáo, đa sắc tộc, đa văn hoá. Chúng thực sự là những rào cản trong việc đem Tin Mừng cứu độ đến cho lục địa này. Tuy nhiên, những khó khăn đó không thể làm cho bước chân truyền giáo của Giáo hội bị dừng bước hay bị huỷ bỏ ở nơi đây. Ngược lại, Giáo hội đã tìm ra những phương thế thích hợp cho công việc này, Giáo hội đã thích ứng với các nền văn hoá, đi sâu vào lòng các dân tộc bằng cách hội nhập văn hoá và đối thoại với các tôn giáo khác trong sự cởi mở¹. Giáo hội đã có những bước tích cực để hoà nhập và đi tìm những cách thức để có thể gặp gỡ với các nền văn hoá đó, vì Giáo hội không mang tính thụ động, nhưng mang tính chất đối thoại và mang tính nhập thể trong lòng dân tộc để trở thành Giáo hội địa phương². Chính Giáo hội này không ngừng đối thoại trong khiêm tốn và yêu thương những truyền thống, những nền văn hoá và các tôn giáo sống động.



Tuy nhiên, để sứ vụ của Giáo hội đạt được kết quả thì sứ vụ này nhất thiết cần đến sự cộng tác của chính những con người cụ thể nơi đây. Vì chính những con người này đã và đang sống trong nền văn hoá, sống cùng các tôn giáo bạn, nên họ có thể hiểu được những khó khăn mà Giáo hội đang vấp phải, đồng thời cũng có thể tìm ra những phương thế cụ thể để sứ vụ của Giáo hội có thể thành công nơi lục địa này. Vì thế, các Kitô hữu thuộc mọi tầng lớp đều được mời gọi và trao cho nhiệm vụ “làm chứng cho thế gian về đời sống Kitô giáo và thể hiện những giá trị của Nước trời.”³ Cách đặc biệt, các Kitô hữu sống đời dâng hiến, những người sống ơn gọi theo chân Đức Kitô chính là những cộng tác viên đặc lực nhất cho sứ vụ của Giáo hội. Đó chính là chúng ta. Chúng ta được Đức Kitô cũng như Giáo hội mời gọi trở thành chứng nhân của Tin Mừng cho lục địa của mình, để qua đó người châu Á có thể nói “Chúa Giêsu đã trở lại Á châu”.⁴

Tài Liệu Tham Khảo

Arij a. Roest Crollius, James H. Kroeger & Peter Phan Đình Cho, eds., *ibid.*, tr.111

Arija. Roest Crollius, James H. Kroeger & Peter Phan Đình Cho, eds. “Hội nhập văn hoá và Giáo hội tại Á châu”, *Sứ vụ truyền giáo tại Á châu hôm nay*, Nguyễn Văn Chử biên tập, Trung tâm học vấn Đaminh, 2007, tr. 109.

Edgar G. Javier, “Đối thoại liên tôn tại Á châu: những vấn đề và thách đố hiện nay” (Quezon City: Claretian Publications, 2006), *Sứ vụ truyền giáo tại Á châu hôm nay*, Nguyễn Văn Chử biên tập, Trung tâm Học vấn Đaminh, 2007.

¹ Victorino Ginardi Stellin, *ibid.*, tr. 96.

² Arij a. Roest Crollius, James H. Kroeger & Peter Phan Đình Cho, eds., *ibid.*, tr.111

³ James H. Kroeger, *ibid.*, tr., 19.

⁴ *Ibid.*, tr. 13.

Cành thông giáng sinh

Phù Vân

*Con muốn làm cành thông
Miền Bê Lem rét mướt
Để được nhìn thấy Chúa
Vào đời giữa đêm đông.
Con muốn làm cành thông
Bên chuồng chiên năm ấy
Vui mừng và hoan hỷ
Chiêm bái Chúa Hài Đồng.
Con muốn làm cành thông
Bên triền đồi tuyết phủ
Để cùng chiêm bái Chúa
Bên cạnh các mục đồng.
Con muốn làm cành thông
Âm thầm reo trong gió
Nghe thần nhạc trên không
Tôn vinh Chúa Hài Đồng.
Con muốn làm cành thông
Nơi phương Đông xa tít
Nơi gương ba hiền sĩ
Bái thờ Đấng Chí Tôn.
Con muốn làm cành thông
Dầu lạnh giá đêm đông
Vẫn thấy lòng ấm cúng,
Vì Chúa đã quan phòng.
Con muốn làm cành thông
Tươi xanh không vương bận
Sống tình Ngài vô tận
Giữ mãi lòng trắng trong.
Con muốn làm cành thông
Đêm Nô-el huyền diệu
Dâng lời ca, tiếng hát
Đón mừng Chúa Giáng Sinh.*